

Tiền Giang, ngày 8 tháng 9 năm 2015

BIÊN BẢN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

Hệ : Tốt nghiệp THPT

Ngành : Dược sĩ trung cấp vừa làm vừa học

TN từ Tất cả RL từ Tất cả

UU TIÊN	Khu vực 3	Khu vực 2	Khu vực 2NT	Khu vực 1	CỘNG
Học sinh Phổ thông	11.00	10.50 15	10.00 39	9.50 2	56
Nhóm 2	10.00	9.50 1	9.00	8.50	1
Nhóm 1	9.00	8.50	8.00	7.50	
CỘNG		16	39	2	57

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký tên, đóng dấu)



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 08 Được sĩ trung cấp vừa làm vừa học

Kèm theo Quyết định số 120 Ngày 08-09-2015

Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Đặng Thị Lan	Anh	16/05/93	Nữ	53.11		99	99.00014	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2NT	11 PT
5304 00000	Văn Công	Còn	20/03/79		56.04		99	99.00009	7.50	7.00					14.50	14.50	7.25	08	2NT	99 PT
5304 00000	Trần Thị Hồng	Cúc	14/04/86	Nữ	53.04		99	99.00027	6.50	6.50					13.00	13.00	6.50	08	2NT	05 PT
5304 00000	Nguyễn Lê	Danh	28/11/86		39.08		99	99.00051	6.00	6.00					12.00	12.00	6.00	08	2	05 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Ngọc	Diệu	24/03/85	Nữ	53.06		99	99.00043	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2	03 PT
5304 00000	Trần Thị Mỹ	Dung	18/02/74	Nữ	53.06	07	99	99.00049	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2	92 PT
5304 00000	Phạm Thị Cẩm	Duyên	22/12/87	Nữ	53.08		99	99.00055	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2NT	06 PT
5304 00000	Võ Thị Ngọc	Dư	22/09/95	Nữ	53.01		99	99.00052	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2	13 PT
5304 00000	Lê Thị Bích	Đào	30/07/78	Nữ	56.06		99	99.00013	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	2NT	96 PT
5304 00000	Trần Thị Bích	Hà	16/01/76	Nữ	53.05		99	99.00017	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2NT	93 PT
5304 00000	Nguyễn Phúc	Hậu	17/11/93		56.05		99	99.00045	7.00	7.00					14.00	14.00	7.00	08	2NT	11 PT
5304 00000	Lê Thị Tuyết	Hồng	29/06/71	Nữ	53.03		99	99.00039	6.50	6.50					13.00	13.00	6.50	08	2NT	92 PT
5304 00000	Trần Kim	Huỳnh	18/07/90	Nữ	53.04		99	99.00048	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	2NT	08 PT
5304 00000	Trần Thị Mỹ	Hương	12/11/86	Nữ	53.06		99	99.00033	7.00	7.00					14.00	14.00	7.00	08	2NT	04 PT
5304 00000	Lê Thị Kim	Hường	03/06/90	Nữ	53.07		99	99.00020	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	2	08 PT
5304 00000	Huỳnh Đăng	Khoa	15/01/86		53.11		99	99.00038	7.00	7.00					14.00	14.00	7.00	08	2NT	04 PT
5304 00000	Trần Văn	Kiệt	11/09/70		53.11		99	99.00047	7.00	7.00					14.00	14.00	7.00	08	2NT	88 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Vân	Kiều	27/03/79	Nữ	53.08		99	99.00023	7.50	8.00					15.50	15.50	7.75	08	2NT	97 PT
5304 00000	Nguyễn Thanh	Kỳ	24/04/89		56.08		99	99.00016	6.00	6.00					12.00	12.00	6.00	08	2NT	08 PT
5304 00000	Phan Thị Hương	Lam	16/06/91	Nữ	56.04		99	99.00004	7.50	8.00					15.50	15.50	7.75	08	2NT	09 PT
5304 00000	Võ Thị Hồng	Lam	15/10/82	Nữ	53.01		99	99.00056	7.50	8.00					15.50	15.50	7.75	08	2NT	01 PT
5304 00000	Lê Thị Mỹ	Lan	29/09/82	Nữ	56.07		99	99.00007	6.00	7.00					13.00	13.00	6.50	08	2NT	01 PT
5304 00000	Phạm Thị Thảo	Lan	15/12/92	Nữ	56.09		99	99.00044	9.00	8.50					17.50	17.50	8.75	08	2NT	10 PT
5304 00000	Lý Thị	Lệ	08/04/82	Nữ	53.01		99	99.00001	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	1	02 PT
5304 00000	Trần Thị Mỹ	Lệ	15/05/91	Nữ	53.06		99	99.00037	7.00	7.00					14.00	14.00	7.00	08	2NT	09 PT
5304 00000	Võ Thị	Liễm	00/00/88	Nữ	53.05		99	99.00021	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	2NT	07 PT

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 08 Được sĩ trung cấp vừa làm vừa học

Kèm theo Quyết định số 120 Ngày 08-09-2015

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Thạch Thùy Linh	30/10/88	Nữ	56.01		99	99.00050	7.00	7.00					14.00	14.00	7.00	08	2	13 PT
5304 00000	Võ Thụy Lưu Ly	15/11/95	Nữ	53.01		99	99.00034	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2	13 PT
5304 00000	Nguyễn Phát Mẫn	30/06/91		53.01		99	99.00002	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	2	09 PT
5304 00000	Nguyễn Nhựt Minh	10/10/93		56.08		99	99.00010	9.00	8.00					17.00	17.00	8.50	08	2NT	11 PT
5304 00000	Nguyễn Văn Minh	10/07/69		56.07		99	99.00026	6.00	8.00					14.00	14.00	7.00	08	2	11 PT
5304 00000	Phạm Hồng Minh	01/09/81		53.05		99	99.00030	5.00	5.00					10.00	10.00	5.00	08	2NT	02 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Ngoan	24/11/92	Nữ	63.06		99	99.00041	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	1	10 PT
5304 00000	Phan Huỳnh Như Ngọc	15/03/89	Nữ	53.01		99	99.00022	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	2	07 PT
5304 00000	Nguyễn Văn Nhanh	13/01/78		56.02		99	99.00012	6.00	6.00					12.00	12.00	6.00	08	2	97 PT
5304 00000	Nguyễn Thành Nhân	02/10/81		56.05		99	99.00040	6.50	6.00					12.50	12.50	6.25	08	2NT	02 PT
5304 00000	Lê Thị Hồng Nhung	26/10/87	Nữ	56.06		99	99.00003	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	2NT	06 PT
5304 00000	Đỗ Thị Cẩm Như	12/08/94	Nữ	53.03		99	99.00028	6.50	7.50					14.00	14.00	7.00	08	2NT	12 PT
5304 00000	Trương Thị Nhựt	24/03/88	Nữ	53.03		99	99.00032	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2NT	06 PT
5304 00000	Nguyễn Vũ Phương	10/09/75		56.01		99	99.00006	7.50	8.00					15.50	15.50	7.75	08	2NT	94 PT
5304 00000	Đặng Diễm Phương	27/04/93	Nữ	49.04		99	99.00053	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2NT	11 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Kim Phương	08/07/81	Nữ	49.10		99	99.00035	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2NT	01 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Quyên	04/07/88	Nữ	56.05		99	99.00057	6.50	6.50					13.00	13.00	6.50	08	2	06 PT
5304 00000	Dương Thị Minh Tâm	20/01/90	Nữ	53.06		99	99.00011	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2	08 PT
5304 00000	Hồ Thị Kim Thành	18/03/81	Nữ	53.02		99	99.00036	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2	99 PT
5304 00000	Trần Văn Thắm	19/02/83		56.02		99	99.00005	6.00	6.50					12.50	12.50	6.25	08	2NT	03 PT
5304 00000	Nguyễn Dương Thiện	11/08/95		56.03		99	99.00008	5.50	6.50					12.00	12.00	6.00	08	2NT	13 PT
5304 00000	Trương Hoàng Thiện	10/10/80		53.07		99	99.00019	7.00	7.00					14.00	14.00	7.00	08	2NT	98 PT
5304 00000	Hoàng Thị Thanh Thúy	15/10/76	Nữ	53.04		99	99.00046	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Minh Thư	20/01/90	Nữ	53.05		99	99.00018	7.00	7.00					14.00	14.00	7.00	08	2	08 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thương	30/04/93	Nữ	53.11		99	99.00024	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	2NT	11 PT
5304 00000	Phan Huyền Trang	00/00/87	Nữ	53.08		99	99.00029	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2NT	05 PT

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 08 Được sĩ trung cấp vừa làm vừa học

Kèm theo Quyết định số 120 Ngày 08-09-2015

Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Lê Thị Mỹ	Trang	09/06/89	Nữ	53.01		99	99.00054	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2	07 PT
5304 00000	Phạm Thị Kim	Tuyến	19/09/87	Nữ	53.08		99	99.00025	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2NT	05 PT
5304 00000	Lê Cẩm	Tú	09/11/84	Nữ	53.08		99	99.00031	7.50	7.50					15.00	15.00	7.50	08	2NT	02 PT
5304 00000	Cao Thị	Tươi	20/03/93	Nữ	53.04		99	99.00042	7.00	7.00					14.00	14.00	7.00	08	2NT	11 PT
5304 00000	Lê Thị Hồng	Xiêm	16/01/89	Nữ	53.04		99	99.00015	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	08	2NT	07 PT

Cộng ngành 08 : 57 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG 5304 : 57 THÍ SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký và ghi rõ họ tên)



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ